



VNU Journal of Science: Economics and Business

Journal homepage: <https://js.vnu.edu.vn/EAB>



Original Article

## Factors Influencing MNCs' Location Decision

Nguyen Thi Thanh Mai\*

*VNU University of Economics and Business,  
144 Xuan Thuy Str., Cau Giay Dist., Hanoi, Vietnam*

Received 18 September 2019

Revised 24 September 2019; Accepted 25 September 2019

**Abstract:** The significant growth of international investment in recent decades has led to the creation of a number of theoretical schools explaining this phenomenon and trying to answer the question of why multinational companies (MNCs) choose to locate their foreign direct investment (FDI) at one location not others? What are other factors influencing that choice? Research in this area is derived from two intertwin traditions: the first is derived from the trade theory and economics of industrial organization and the second is the internationalization process approach associated with Uppsala model. However, both approaches have limitations and important bias. The paper will review these two approaches, analyze and identify the limitations of each approach, and give some suggestions for future research.

*Keywords:* FDI, selection decision, FDI location, MNCs.

\* Corresponding author.

*E-mail address:* [maintt@vnu.edu.vn](mailto:maintt@vnu.edu.vn)

<https://doi.org/10.25073/2588-1108/vnueab.4252>



## Những nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn địa điểm FDI của MNCs

Nguyễn Thị Thanh Mai\*

*Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 18 tháng 9 năm 2019

Chỉnh sửa ngày 24 tháng 9 năm 2019; Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 9 năm 2019

**Tóm tắt:** Sự phát triển mạnh mẽ của đầu tư quốc tế trong những thập kỷ gần đây đã dẫn đến sự ra đời của nhiều trường phái lý thuyết giải thích hiện tượng này và cố gắng trả lời câu hỏi tại sao các công ty đa quốc gia (MNCs) lại lựa chọn phân bổ đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của họ ở địa điểm này mà không phải ở các địa điểm khác? Đây là những nhân tố tác động tới sự lựa chọn đó? Nghiên cứu trong lĩnh vực này bắt nguồn từ hai hướng đan xen nhau: hướng thứ nhất bắt nguồn từ lý thuyết thương mại và kinh tế học về tổ chức công nghiệp và hướng thứ hai là cách tiếp cận quy trình quốc tế hóa gắn liền với mô hình Uppsala. Tuy nhiên, cả hai cách tiếp cận này đều có những hạn chế và sự thiên lệch lớn. Bài viết sẽ tổng quan hai cách tiếp cận này, phân tích và chỉ ra những hạn chế của mỗi cách tiếp cận, từ đó đưa ra một số gợi mở về hướng nghiên cứu trong tương lai.

*Từ khóa:* FDI, quyết định lựa chọn, địa điểm FDI, MNCs.

### 1. Mở đầu

Cùng với quá trình toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng trong những năm gần đây, mà một trong những biểu hiện quan trọng là sự gia tăng của hoạt động FDI của MNCs, các học giả trong nhiều lĩnh vực khác nhau như kinh tế quốc tế, kinh tế học đô thị, quản trị chiến lược, địa lý kinh tế, kinh doanh quốc tế... đã có nhiều nghiên cứu lý giải hiện tượng này [1, 2]. Trong đó, sự phân bố về mặt địa lý của FDI và các nhân tố tác động đến việc lựa chọn địa điểm đầu tư của MNCs luôn là một trong những khía cạnh được nhiều học giả lưu tâm nghiên cứu.

Để trả lời câu hỏi tại sao FDI lại được doanh nghiệp phân bổ tại địa điểm này mà không phải địa điểm khác, nhân tố nào tác động đến việc lựa chọn địa điểm đầu tư cũng như mức độ tác động các nhân tố này, có rất nhiều trường phái lý thuyết cũng như phương pháp được sử dụng để phân tích ở các bối cảnh nghiên cứu khác nhau. Điều này đồng nghĩa với việc có các kết quả nghiên cứu khác nhau, có kết quả nhận được sự đồng thuận rộng rãi, có kết quả vẫn còn gây ra nhiều tranh cãi. Trong điều kiện đó, để dựng lại một bức tranh tổng quát về vấn đề này, tác giả tiến hành tổng thuật một cách hệ thống nhất các nghiên cứu đã có, từ đó xác định được những khoảng trống nghiên cứu và đề xuất hướng nghiên cứu mới trong lĩnh vực này.

Trong bài viết này, tác giả áp dụng hướng dẫn của Nguyễn Văn Thắng (2014) [3] về tổng

\* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: [maintt@vnu.edu.vn](mailto:maintt@vnu.edu.vn)

<https://doi.org/10.25073/2588-1108/vnueab.4252>

quan tài liệu nghiên cứu, với các vấn đề được rà soát, gồm: (1) Các trường phái lý thuyết chính được sử dụng khi nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tới việc lựa chọn địa điểm đầu tư nước ngoài của doanh nghiệp; (2) Bối cảnh nghiên cứu, trong đó đề cập đến phạm vi địa lý mà các nghiên cứu thực nghiệm đã được tiến hành; (3) Các phương pháp nghiên cứu chính mà các học giả trong các lĩnh vực khác nhau đã sử dụng để xác định và đánh giá tác động của các nhân tố đối với việc lựa chọn địa điểm phân bố FDI của doanh nghiệp; (4) Các kết quả nghiên cứu chính. Từ đó, tác giả đánh giá những hạn chế của các công trình trước đây và tìm ra khoảng trống tri thức cho những nghiên cứu tiếp theo.

## 2. Các trường phái lý thuyết chính được sử dụng

Quyết định về địa điểm của MNCs luôn là khía cạnh trọng tâm của quá trình ra quyết định quản lý và phát triển lý thuyết của các học giả kinh doanh quốc tế. Mỗi khi thực hiện một hoạt động, công ty phải trả lời câu hỏi quan trọng là hoạt động đó nên được đặt ở đâu? Nghiên cứu trong lĩnh vực này bắt nguồn từ hai hướng đan xen nhau [4]: hướng thứ nhất bắt nguồn từ lý thuyết thương mại và kinh tế học về tổ chức công nghiệp theo sau Hymer (1960) [5] và hướng thứ hai là cách tiếp cận quy trình quốc tế hóa có cấu trúc lỏng lẻo hơn gắn liền với mô hình Uppsala [6].

Trong hướng nghiên cứu thứ nhất, việc lựa chọn địa điểm đầu tư nước ngoài là có chủ đích và được thực hiện một cách lý trí nhằm mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận và sự hấp dẫn về chi phí yếu tố sản xuất. Mục tiêu thứ cấp của các quyết định này là tìm kiếm tài sản và duy trì tỷ suất lợi nhuận.

Hướng nghiên cứu thứ hai dự báo sự gia tăng di chuyển nguồn lực ra nước ngoài theo thời gian là kết quả từ quá trình học tập và tích lũy kinh nghiệm của doanh nghiệp vì cùng với quá trình này, doanh nghiệp có khả năng nhận biết rõ ràng hơn về môi trường đầu tư nước ngoài. Mô hình này phân tích quá trình quyết định và đặc điểm của các cá nhân ra quyết định.

Theo đó, quyết định của các nhà quản lý bị chi phối bởi sự hạn chế về thông tin và nỗi sợ rủi ro. Hành vi như vậy dẫn tới cách tiếp cận theo giai đoạn của việc gia nhập thị trường nước ngoài. Các nghiên cứu thực nghiệm của mô hình được thực hiện bởi Hörnell, Vahlne và Wiedersheim-Paul (1973), Vahlne và Wiedersheim-Paul (1973), Johanson và Vahlne (1977), Vahlne và Nordström (1993) [5, 7-9] về MNCs Thụy Điển. Các biến giải thích của các học giả này gồm trình độ phát triển kinh tế và giáo dục, sự khác biệt về văn hóa và ngôn ngữ giữa Thụy Điển với các nước khác. Hörnell, Vahlne và Wiedersheim-Paul (1973) lại tập trung vào nhận thức của các nhà quản lý Thụy Điển.

Trong hai hướng trên, số lượng nghiên cứu thực nghiệm tận dụng và cố gắng chứng minh hướng lý thuyết thứ nhất nhiều hơn hẳn so với các nghiên cứu dựa trên lý thuyết quy trình quốc tế hóa [4]. Quá trình ra quyết định lựa chọn địa điểm FDI nhận được tương đối ít sự quan tâm của các học giả. FDI không phải là quyết định “đầu tư hay không đầu tư” tại một thời điểm mà là một quá trình. Điều này đã được biết đến ngay từ nghiên cứu sơ khai về việc ra quyết định FDI trong cuốn sách của Aharoni (1966) với tên gọi *The Foreign Investment Decision Process* (tạm dịch: *Quá trình ra quyết định đầu tư nước ngoài*). Các nghiên cứu về quá trình quốc tế hóa dựa trên hành vi và quản lý thường sử dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình với số lượng nhỏ các công ty riêng lẻ hoặc các cuộc điều tra cắt ngang [4]. Tuy nhiên, cả hai cách tiếp cận này đều có những hạn chế và sự thiên lệch lớn, sẽ được trình bày trong mục 4 dưới đây.

## 3. Bối cảnh nghiên cứu thực nghiệm

Hiện nay, các nghiên cứu thực nghiệm thường tập trung vào phân tích FDI ở các nền kinh tế lớn, trong đó chủ yếu phân tích: (1) FDI ra nước ngoài của MNCs Nhật Bản và Mỹ; (2) FDI vào Trung Quốc; và (3) Dòng FDI ra và vào Mỹ. Nguyên nhân chủ yếu là do tính sẵn có

về dữ liệu ở các quốc gia này. Kết quả tổng quan của Nielsen và cộng sự (2017) cho thấy có 90 công trình (trong số 153 công trình được rà soát) xem xét sự phân bố về mặt địa lý của FDI ở cấp độ quốc gia, trong đó 44% các nghiên cứu này tập trung vào Trung Quốc và 20% tập trung vào Mỹ [2]. Các nghiên cứu về dòng đầu tư trực tiếp ra nước ngoài thường là từ Nhật Bản (38/153 nghiên cứu) và Mỹ (27/153), và một số ít các nghiên cứu về đầu tư ra nước ngoài của Trung Quốc, Hàn Quốc, Đức và Anh.

Tuy nhiên, hiện vẫn chưa có nhiều nghiên cứu ở cấp độ địa phương về sự phân bố FDI trong các quốc gia nhỏ và các nền kinh tế đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Cũng có một số nghiên cứu ở cấp độ địa phương được thực hiện về FDI ở các khu vực hành chính của Trung Quốc (ví dụ Kang và Jiang (2012); Ramasamy, Yeung và Laforet (2012) [10, 11]) hoặc các bang của Mỹ (ví dụ Kandogan (2012); Rogers và Wu (2012) [12, 13]) - đây thường là những khu vực rất lớn, là nơi sinh sống của khoảng từ 6-31 triệu người [2]. Lý thuyết về lựa chọn địa điểm FDI của MNCs vẫn còn khoảng trống kiến thức về sự phân bố FDI tại các quốc gia nhỏ và tại các khu vực địa phương nhỏ hơn trong phạm vi một quốc gia [2]. Nguyên nhân chính của việc thiếu hụt nghiên cứu ở cấp độ này cũng như ở các quốc gia nhỏ là do sự thiếu hụt về số liệu phân tích.

#### 4. Các phương pháp nghiên cứu chính

Rà soát về phương pháp nghiên cứu mà các tác giả trong lĩnh vực này sử dụng cho thấy nghiên cứu định lượng dựa trên số liệu thứ cấp nhằm chứng minh cách tiếp cận kinh tế học rất phổ biến [1], trong đó các nghiên cứu định tính áp dụng cách tiếp cận quy trình quốc tế hóa chủ yếu giới hạn ở lĩnh vực kinh doanh quốc tế và quản trị chiến lược [2]. Theo nhóm tác giả này, trong số 153 công trình được rà soát, chỉ có 5% nghiên cứu sử dụng số liệu sơ cấp thu thập được từ điều tra khảo sát. Hầu hết các nghiên cứu đều sử dụng số liệu thứ cấp thu thập được từ nguồn công khai hoặc các chương trình thống kê của chính phủ.

Tuy nhiên, cả hai cách tiếp cận này đều có những hạn chế và sự thiên lệch lớn. Hạn chế của mô hình quá trình quốc tế hóa chủ yếu liên quan tới việc thiếu liên kết giữa các nghiên cứu thực nghiệm và mô hình lý thuyết [2]. Đồng thời, lĩnh vực hoạt động của công ty được khảo sát cũng gây ra nhiều lo lắng. Tuy nhiên, theo Buckley, Devinney và Louviere (2003), những hạn chế khó nhận ra của cách tiếp cận kinh tế học là đáng lo ngại hơn [4]. *Thứ nhất*, rất khó để đánh giá được chất lượng của nguồn dữ liệu thu thập được. Số liệu có thể không mang tính ngẫu nhiên, bị hạn chế do thiên kiến xác nhận (nonresponse bias), chính vì thế mà kết quả không đại diện cho nhân tố thực tế ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn địa điểm phân bố FDI của MNCs. *Thứ hai*, số liệu thứ cấp về FDI tại một địa phương hoặc quốc gia chỉ mô tả bức tranh về FDI thực tế, nhưng lại không thể hiện quá trình lựa chọn hay những mối quan tâm và cân nhắc (của lãnh đạo MNCs) đằng sau quyết định này. Theo Buckley, Devinney và Louviere (2003), vì mẫu nghiên cứu chỉ dựa vào địa điểm đầu tư cuối cùng nên chúng ta không thể biết được công ty đã xem xét những lựa chọn nào và loại bỏ những lựa chọn nào (điều này không thể hiện trong dữ liệu); và những lựa chọn bị loại bỏ có đặc điểm gì khác về mặt nhận thức đối với các giám đốc ra quyết định [4]. *Thứ ba*, việc lựa chọn địa điểm đầu tư thực ra là một quá trình lựa chọn theo thứ bậc. Giả sử một MNC ra quyết định về địa điểm phân tán hoạt động của họ, trước hết họ phải xác định xem nên đầu tư tới khu vực nào, sau đó mới xem nên thâm nhập quốc gia nào, tiếp theo mới chọn địa phương trong quốc gia đó. Nếu các nhà nghiên cứu không tính đến vấn đề lựa chọn địa điểm đầu tư theo thứ bậc thì sẽ không phản ánh được hành vi ra quyết định thực tế của các nhà quản lý và sẽ dẫn đến những sai lệch trong kết quả nghiên cứu.

Về mô hình để phân tích mức độ tác động của các nhân tố tới việc lựa chọn địa điểm phân bố FDI của MNCs, các nhà nghiên cứu thường sử dụng *mô hình biến công cụ* hoặc *mô hình ra*

quyết định. Hiện nay, số lượng các nghiên cứu sử dụng loại mô hình thứ hai ngày càng tăng lên nhưng vẫn không thể so sánh với nghiên cứu sử dụng biến công cụ [2].

Đối với mô hình sử dụng biến công cụ, mức độ chi tiết của thông tin và nguồn dữ liệu sẽ quyết định câu hỏi nghiên cứu nào có thể được trả lời. Thông thường tham vọng của các học giả là đánh giá mức độ mà các nhân tố tác động đến quyết định đầu tư của MNCs, kết quả là dẫn tới lượng FDI cao hay thấp. Tuy nhiên, vì các nhà nghiên cứu không thể chỉ định một biến số (ví dụ mức thuế cao) một cách ngẫu nhiên tới một số địa điểm và giữ lại một nhóm các biến kiểm soát (chẳng hạn giữ một nhóm địa điểm khác nhau có cùng mức thuế) [2]. Điều này gây ra những thách thức trong việc nghiên cứu về mối tương quan và mối quan hệ nhân quả [14, 15]. Để giải quyết các thách thức trên, một số nhà nghiên cứu đã cố gắng khám phá thêm các biến công cụ có thể ảnh hưởng tới quyết định của doanh nghiệp trong việc lựa chọn địa điểm FDI (ví dụ Bobonis và Shatz (2007)) [16]. Một số nhà nghiên cứu khác lại cố gắng giải quyết tính không đồng nhất không quan sát được (unobserved heterogeneity) bằng cách sử dụng biến ngoại sinh liên quan đến đặc điểm của địa điểm nhận đầu tư (ví dụ Rogers và Wu (2012)) [13]. Tuy nhiên, vẫn có rất ít các nghiên cứu giải quyết hạn chế liên quan tới tính sai lệch nội sinh (endogeneity biases) khi nghiên cứu về việc lựa chọn địa điểm phân bố FDI của MNCs. Chính vì thế, kiến thức hiện nay về mối quan hệ nhân quả giữa đặc điểm của địa điểm và việc lựa chọn địa điểm đầu tư vẫn hạn chế.

Trong các mô hình sử dụng biến công cụ, mô hình kinh tế lượng không gian ngày càng được các học giả quan tâm sử dụng để phân tích sự phụ thuộc về không gian giữa các vùng khác nhau, trong đó đặc tính của các địa điểm xung quanh có thể ảnh hưởng tới dòng FDI vào một khu vực. Các địa phương chia sẻ với nhau hệ thống quốc lộ, cảng biển và lực lượng lao động, nhất là các tỉnh thành có vị trí địa lý gần nhau. Ngoài ra, các hoạt động kinh tế thường không bị giới hạn bởi ranh giới hành chính. Đây chính là “hiệu ứng không gian” (spatial effects) giữa

các vùng lân cận. Nếu không đưa tác động này vào trong mô hình nghiên cứu thì rất có thể kết quả nghiên cứu sẽ bị lệch và không phù hợp [2, 17, 18]. Tuy nhiên, số lượng các nghiên cứu sử dụng mô hình này vẫn còn hạn chế.

Loại mô hình thứ hai được sử dụng để phân tích là mô hình ra quyết định (discrete choice model). Mô hình này ngày càng được các học giả quan tâm sử dụng bởi lẽ quyết định gia nhập một địa phương cụ thể bằng phương thức FDI là một quá trình lựa chọn theo thứ bậc [2]. Các mô hình ra quyết định được sử dụng gồm có mô hình logit đa thức (multinomial logit), mô hình logit thứ bậc (nested logit model), mô hình logit hỗn hợp (mixed logit model), mô hình cây ra quyết định [19, 20]. Mặc dù mô hình logit thứ bậc có cách tiếp cận chuẩn mực, trong đó tính đến những nhân tố tổng hợp của các khu vực địa lý ở các cấp độ khác nhau nhưng hiện nay cần chú trọng vào các cách tiếp cận tinh vi hơn. Chẳng hạn Basile và cộng sự (2008) phát triển mô hình logit hỗn hợp để đánh giá việc lựa chọn địa điểm đầu tư trong 50 vùng NUST-1 ở 8 quốc gia châu Âu - một cách tiếp cận có tính đến sự tương đồng giữa các vùng trong phạm vi một quốc gia, nhưng lại linh hoạt hơn vì nó cho phép nghiên cứu chung hơn về sự lựa chọn thay thế giữa các vùng cũng như ước lượng sự tương tác giữa các cấp độ [20]. Tương tự Rasciute và cộng sự (2014) sử dụng mô hình logit hỗn hợp, tích hợp khía cạnh vĩ mô, vi mô và đặc điểm của công ty trong khung khổ lý thuyết về việc lựa chọn địa điểm FDI [21]. Tận dụng cách tiếp cận cây ra quyết định (decision-tree approach), câu hỏi về địa điểm FDI cũng được mô hình hóa là sự tương tác giữa hiệu ứng quốc gia, ngành và công ty. Tổng quan của Nielsen và cộng sự (2017) chỉ ra rằng chỉ có ít hơn 10% các nghiên cứu tận dụng mô hình dữ liệu lồng nhau để tính đến việc lựa chọn theo thứ bậc [2]. Một số nghiên cứu gần đây cũng sử dụng mô hình logit hỗn hợp, cho phép lựa chọn tương quan giữa các địa điểm đầu tư khác nhau (ví dụ xem [20]). Tuy nhiên, trong khi các nghiên cứu này dựa trên nguồn dữ liệu đa cấp độ, các tác giả vẫn chưa xem xét đến hiệu ứng lồng chéo (cross-nesting) của dữ liệu ở các cấp độ phân tích khác nhau. Điều này có thể làm tăng số

mẫu giả tạo, các lỗi xác suất và ảnh hưởng đến kết quả nghiên cứu [22].

### 5. Các kết quả nghiên cứu chính

Trong hai hướng tiếp cận để phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn địa điểm FDI ở trên, mỗi hướng nghiên cứu tập trung vào các nhóm nhân tố khác nhau và đưa ra những kết quả không đồng nhất.

Các nghiên cứu theo hướng tiếp cận kinh tế học thường áp dụng các mô hình biến công cụ để tìm ra ảnh hưởng của nhóm các yếu tố kinh tế, thể chế cũng như hiệu ứng quản trị doanh nghiệp. Nguyên lý cơ bản đằng sau quyết định lựa chọn địa điểm đầu tư (cũng như những giả định đằng sau mô hình kinh tế lượng) đều liên quan đến vấn đề hiệu quả kinh tế. Các doanh nghiệp sẽ phân chia hoạt động của mình thành hai cấu phần doanh thu - lợi nhuận và xác định các nhân tố tác động trực tiếp tới hai cấu phần này. Theo đó, phần lớn các nghiên cứu về việc lựa chọn địa điểm phân tán FDI đều sử dụng các chỉ số như quy mô thị trường và mức độ giàu có của người dân (ảnh hưởng tới doanh thu), năng suất lao động và mức lương (ảnh hưởng tới chi phí sản xuất) và cơ sở hạ tầng (ảnh hưởng tới chi phí vận chuyển) [2]. Kết quả thực nghiệm cho thấy mặc dù phần lớn các nghiên cứu chỉ ra ảnh hưởng theo hướng kỳ vọng của mỗi biến số trên với lượng FDI vào một khu vực/địa điểm cụ thể, nhưng nhìn chung kết quả vẫn chưa đồng nhất. Đối với nhóm các yếu tố thể chế, có một sự đồng thuận rộng rãi rằng thể chế (ở cấp độ khu vực, quốc gia và vùng) ảnh hưởng lớn tới môi trường kinh doanh thông qua việc thuận lợi hóa hoặc cản trở hoạt động kinh tế của doanh nghiệp. Chính vì thế, bản chất và chất lượng của môi trường thể chế nước chủ nhà ảnh hưởng tới địa điểm phân bố FDI. Chính sách của chính phủ ở cả cấp quốc gia và cấp địa phương thường được xem là biến số quan trọng ảnh hưởng đến việc lựa chọn địa phương phân bố FDI. Ở cấp độ địa phương, có nhiều nghiên cứu khẳng định tác động tích cực và quan trọng của các chính sách của chính phủ trong việc thu hút FDI. Hill và Munday (1992) cho rằng các động lực tài chính là một yếu tố

quan trọng quyết định nguồn vốn FDI vào Anh [23]. Taylor (1993) cũng khẳng định kết quả tương tự về vai trò của chính sách thu hút FDI ở các vùng được hỗ trợ của chính phủ Anh [24]. Tuy nhiên, Coughlin và cộng sự (1991), Woodward (1992) trong nghiên cứu về FDI tại Mỹ đưa ra kết quả chưa thống nhất về hiệu quả của chính sách này và các cơ chế thúc đẩy đầu tư khác [25, 26]. Ngoài ra, Head và Ries (1996), Meyer và Nguyen (2005) cũng cho rằng việc chính phủ một số quốc gia châu Á thành lập các khu kinh tế đặc biệt cũng ảnh hưởng tích cực tới việc thu hút FDI vào địa phương đó [27, 28]. Lim (2001) đã xác định rằng hiệu ứng nền kinh tế tập trung là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng tới địa điểm phân bố FDI bên cạnh các yếu tố thông thường khác [29]. Bằng chứng thực nghiệm chứng tỏ vai trò của cụm công nghiệp đến việc lựa chọn địa điểm FDI là khá rõ ràng, ủng hộ quan điểm rằng hiệu ứng quản trị doanh nghiệp là một trong những nhân tố kéo quan trọng đối với FDI đến với một khu vực cụ thể. Theo Nielsen và cộng sự (2017), phần lớn nghiên cứu ủng hộ quan điểm này [2], chỉ có vài nghiên cứu không tìm ra mối liên hệ và chỉ có nghiên cứu của Li và Park (2006) chỉ ra mối quan hệ ngược chiều. Hiện nay có rất ít nghiên cứu đưa ra các biến quan sát thể hiện hiệu ứng nền kinh tế tập trung, chính vì thế việc nghiên cứu mối quan hệ nhân quả còn rất hạn chế [30].

Kết quả thực nghiệm từ những nghiên cứu áp dụng cách tiếp cận quy trình quốc tế hóa cũng không đồng nhất. Nghiên cứu tiên phong của Davidson (1980) chỉ ra rằng kinh nghiệm của doanh nghiệp ảnh hưởng tới việc lựa chọn địa điểm đầu tư theo hai cách [31]. Đầu tiên, doanh nghiệp sẽ quan tâm tới quốc gia mà họ có kinh nghiệm hoạt động tích cực hơn là quốc gia mà họ chưa có kinh nghiệm. Thứ hai, doanh nghiệp giàu kinh nghiệm quốc tế ít quan tâm tới các thị trường gần, tương tự và quen thuộc. Khi kinh nghiệm tăng lên, doanh nghiệp sẽ quan tâm tới các thị trường mà trước đây bị nhận thức là ít hấp dẫn do mức độ rủi ro cao. Điều quan trọng là Davidson (1980) đã phát hiện ra rằng khi doanh nghiệp có nhiều kinh nghiệm hơn, việc lựa chọn địa điểm hoạt động ở nước

ngoài càng thể hiện cách phản ứng hiệu quả đối với cơ hội và điều kiện kinh tế toàn cầu. Pedersen và Petersen (2004) cho thấy “hiệu ứng sốc” (shock effect) của việc gia nhập thị trường nước ngoài phát triển theo thời gian (đạt mức độ thấp nhất khi đã quen thuộc thị trường sau 8 năm gia nhập), đồng thời ủng hộ “nghịch lý khoảng cách tâm lý” (psychic distance paradox), trong đó các nước lân cận lại tạo ra mức độ sốc cao [32]. Nghiên cứu Delphi duy nhất (MacCarthy và Atthirawong, 2003) tìm ra các kết quả thông thường về động lực của doanh nghiệp trong việc lựa chọn địa điểm phân tán hoạt động sản xuất [33]. Những kết quả này gợi ý rằng vấn đề quá trình trong hoạt động quốc tế hóa là vấn đề quan trọng. Học tập, sự tiếp biến và đồng biến văn hóa được cho là có ý nghĩa trong các bối cảnh khác nhau, đối với các giám đốc khác nhau trong việc ra quyết định địa điểm FDI.

## 6. Hạn chế của nghiên cứu trước và một số gợi mở

Kết quả rà soát các nghiên cứu giải thích lý do lựa chọn địa điểm phân bố FDI của MNCs cho thấy nhận thức của chúng ta về lĩnh vực này vẫn còn chưa đầy đủ [2]. Do thiếu nguồn dữ liệu cũng như nhiều vấn đề về mặt phương pháp luận, kết quả nghiên cứu vẫn còn nhiều mâu thuẫn. Mặc dù số lượng các công trình phân tích các nhân tố tác động đến lựa chọn địa điểm đầu tư nước ngoài là rất lớn, tuy nhiên vẫn còn khoảng trống tri thức để tiếp tục nghiên cứu. Cụ thể là:

*Thứ nhất*, khung phân tích và lý thuyết về các nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn địa điểm phân bố FDI chưa đầy đủ. Sự tích hợp các dòng lý thuyết ở các lĩnh vực khác nhau khi xem xét vị trí phân bố FDI vẫn còn rất ít mặc dù quan sát thực tế có thể thấy cả đặc điểm của khu vực địa lý cũng như đặc điểm của doanh nghiệp FDI và người ra quyết định đều có khả năng ảnh hưởng đến quyết định địa điểm đầu tư [34, 35]. Các nghiên cứu gần đây không cung cấp đầy đủ hiểu biết về cơ chế làm cho doanh nghiệp ưa chuộng một địa phương hơn so với địa phương khác, và chủ yếu tập trung vào sự

khác biệt địa lý cấp quốc gia và thể chế, mà đánh giá quá thấp tính không đồng nhất giữa các địa phương trong cùng một quốc gia. Trong khi đó, các nghiên cứu của các nhà địa lý kinh tế và kinh tế học đô thị đã chỉ ra một số nhân tố liên quan đến sự khác biệt theo không gian giữa các địa phương, tuy nhiên lại không chú ý đến các đặc điểm của doanh nghiệp và sự phù hợp của động cơ đầu tư, nguồn lực hiện có và năng lực của doanh nghiệp với việc lựa chọn địa điểm đầu tư [36, 37]. Điều này cho thấy rằng cần có nghiên cứu liên ngành, đa lĩnh vực và tích hợp các chỉ số ở các cấp độ phân tích khác nhau cũng như xem xét cả hành vi của người ra quyết định.

*Thứ hai*, về phạm vi nghiên cứu, nhận thức về các nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn địa điểm FDI của doanh nghiệp vẫn còn khoảng trống do vấn đề thiên lệch trong chọn mẫu. Các công trình hiện có tập trung chủ yếu vào các nước lớn như Mỹ, Nhật Bản và Trung Quốc và những kiến thức đã có rất khó áp dụng đối với các nước đang phát triển. Mỗi quốc gia và địa phương có những đặc điểm khác biệt về thể chế và điều kiện kinh tế vĩ mô, có thể ảnh hưởng đến việc lựa chọn quốc gia và địa phương để phân bố FDI. Chính vì thế, rất cần có các nghiên cứu tập trung vào những vùng, quốc gia và khu vực ít được quan tâm để mở rộng kiến thức và tăng tính hợp lệ của các nhân tố được giả định ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn địa điểm phân bố đầu tư của MNCs.

*Thứ ba*, về nguồn số liệu sử dụng, cần lưu ý rằng hiện nay đa số các nghiên cứu đều sử dụng số liệu thứ cấp. Mặc dù số liệu thứ cấp thường giải thích tốt hơn (nhưng không phải luôn luôn) điều tra khảo sát do không bị thiên kiến xác nhận, việc dựa vào số liệu thứ cấp được thu thập cho các mục tiêu nghiên cứu khác thường đẩy lên những lo ngại về tính hợp lệ của thang đo như nhóm tác giả Nielsen và cộng sự (2017) đã phân tích [2]. Việc dựa quá nhiều vào số liệu chéo hoặc số liệu chuỗi thời gian được gộp thành những giá trị duy nhất thường dẫn đến việc mất mát thông tin và thất bại trong việc kiểm nghiệm mối quan hệ thực tế.

*Thứ tư*, hầu như có rất ít nghiên cứu sử dụng thông tin và dữ liệu sơ cấp. Mặc dù việc

này rất khó khăn và tốn thời gian nhưng trách nhiệm của nhà nghiên cứu là đảm bảo chất lượng dữ liệu thu thập được. Thêm nữa, thu thập dữ liệu về hành vi đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp sẽ làm các nghiên cứu học thuật gần hơn với mô hình ra quyết định trong thực tế. Điều này rất quan trọng bởi lẽ việc ra quyết định lựa chọn địa điểm đầu tư là một quá trình theo bước và nhiều khi phi lý trí. Phần lớn các nghiên cứu chỉ đề cập đến một số lượng có hạn các lựa chọn trước khi ra quyết định, và thông thường không xem xét đến vấn đề ưu tiên cũng như là quá trình ra quyết định theo bước. Chỉ có một số ít nghiên cứu xem xét việc xếp hạng và thời gian gia nhập một thị trường cụ thể, thể hiện điều kiện quyết định thứ tự gia nhập. Hơn nữa, việc lựa chọn vị trí đầu tư có thể là một quá trình theo chuỗi, chẳng hạn như Arregle và cộng sự (2009), Arregle và cộng sự (2013) bắt đầu bằng việc chọn quốc gia (hoặc một khu vực), sau đó là lựa chọn vùng, địa phương hoặc khu kinh tế. Việc thu thập dữ liệu thứ cấp không thể giúp nghiên cứu giải thích được quá trình này [38, 39].

Như vậy, có thể thấy hiện nay rất nhiều trường phái lý thuyết cũng như phương pháp được sử dụng và phân tích ở các bối cảnh nghiên cứu khác nhau. Tuy nhiên, do thiếu nguồn dữ liệu cũng như nhiều vấn đề về phương pháp luận, các kết quả nghiên cứu vẫn còn nhiều mâu thuẫn. Mặc dù số lượng các công trình phân tích các nhân tố tác động tới quyết định lựa chọn phân bố vốn đầu tư nước ngoài là khá lớn, tuy nhiên vẫn còn khoảng trống tri thức để tiếp tục nghiên cứu. Các nghiên cứu tiếp theo có thể tập trung xem xét các trường phái lý thuyết khác nhau và đề xuất một khung khổ lý thuyết đầy đủ hơn về các nhân tố ở các cấp độ khác nhau; thực hiện nghiên cứu ở bối cảnh mới là các nền kinh tế mới nổi, các nước đang phát triển...; sử dụng một mô hình nghiên cứu phù hợp để xử lý dữ liệu đa cấp, phân cấp; đồng thời sử dụng mô hình phân tích tác động không gian để đánh giá sự phụ thuộc của các nhân tố ở cấp độ địa phương. Việc thu thập dữ liệu về hành vi đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp này sẽ làm các nghiên cứu học thuật gần hơn với mô hình

ra quyết định trong thực tế. Điều này rất quan trọng bởi lẽ việc ra quyết định lựa chọn địa điểm đầu tư là một quá trình theo bước và nhiều khi phi lý trí [4].

### Tài liệu tham khảo

- [1] I. Faeth, "Determinants of foreign direct investment - A tale of nine theoretical models", *Journal of Economic Surveys* 23 (2009) 165-196.
- [2] B.B. Nielsen, C.G. Asmussen, C.D. Weatherall, "The location choice of foreign direct investments: Empirical evidence và methodological challenges", *Journal of World Business* 52 (2017) 62-82.
- [3] Nguyễn Văn Thắng, Giáo trình thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh, NXB. Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, 2014.
- [4] P.J. Buckley, T.M. Devinney, T.M. Louviere, "Do managers behave the way theory suggests? A choice-theoretic examination of foreign direct investment location decision-making", *Journal of International Business Studies* 38 (7) (2007) 1069-1094.
- [5] S.H. Hymer, *International operations of national firms*, Cambridge, MA: MIT Press, 1960.
- [6] J. Johanson, J.E. Vahlne, "The Internationalization Process of the Firm-A Model of Knowledge Development and Increasing Foreign Market Commitments", *Journal of International Business Studies* 8(1) (1977) 23-32.
- [7] E. Hörnell, J. Vahlne, F. Wiedersheim-Paul, *Exports and foreign establishments*, Stockholm: Almqvist & Wicksell, 1973.
- [8] J.E. Vahlne, F. Wiedersheim-Paul, "Economic distance: Model and empirical investigation", *Export and Foreign Establishments*, 1973, pp. 81-159.
- [9] J.E. Vahlne, K.A. Nordström, "The internationalization process: Impact of competition and experience", *The International Trade Journal* 7 (5) (1993) 529-548.
- [10] Y. Kang, F. Jiang, "FDI location choice of Chinese multinationals in East and Southeast Asia: Traditional economic factors and institutional perspective", *Journal of World Business* 47 (1) (2012) 45-53.
- [11] B. Ramasamy, M. Yeung, S. Laforet, "China's outward foreign direct investment: Location choice and firm ownership", *Journal of World Business* 47 (1) (2012) 17-25.
- [12] Y. Kandogan, "Regional foreign direct investment potential of the states within the US", *Journal of Economics and Business* 64 (4) (2012) 306-322.
- [13] C.L. Rogers, C. Wu, "Employment by foreign firms in the US: Do state incentives matter?",



- Regional Science and Urban Economics 42 (4) (2012) 664-680.
- [14] G.G. Dess, S. Newport, A.M.A. Rasheed, "Configuration Research in Strategic Management: Key Issues and Suggestions", *Journal of Management* 19 (4) (1993) 775-795.
- [15] D.A. Kenny, *Correlation and causality*, New York: Wiley, 1979.
- [16] G.J. Bobonis, H.J. Shatz, "Agglomeration, adjustment, and state policies in the location of foreign direct investment in the United States", *The Review of Economics and Statistics* 89 (1) (2007) 30-43.
- [17] H.H. Hoang, M. Goujon, "Determinants of foreign direct investment in Vietnamese provinces: A spatial econometric analysis", *Post-Communist Economies* 26 (1) (2014) 103-121.
- [18] B. Esiyok, M. Ugur, "A spatial regression approach to FDI in Vietnam: Province-level evidence", *The Singapore Economic Review*, 62 (02) (2017) 459-481.
- [19] B.B. Nielsen, S. Nielsen, "A multilevel approach to understanding the multinationality-performance relationship", *The Past, Present and Future of International Business & Management*: Emerald Group Publishing Limited, 2010, pp. 527-557.
- [20] R. Basile, D. Castellani, A. Zanfei, "Location choices of multinational firms in Europe: The role of EU cohesion policy", *Journal of International Economics* 74 (2) (2008) 328-340.
- [21] S. Rasciute, E. Pentecost, B. Ferrett, "Firm heterogeneity in modelling foreign direct investment location decisions", *Applied Economics* 46 (12) (2014) 1350-1360.
- [22] J.L. Arregle, L. Hébert, P.W. Beamish, "Mode of international entry: The advantages of multilevel methods", *Management International Review* 46 (5) (2006) 597-618.
- [23] S. Hill, M. Munday, "The UK Regional Distribution of Foreign Direct Investment: Analysis and Determinants", *Regional Studies*, 26 (6) (1992) 535-544.
- [24] J. Taylor, "An analysis of the factors determining the geographical distribution of Japanese manufacturing investment in the UK, 1984-91", *Urban Studies* 30 (7) (1993) 1209-1224.
- [25] C.C. Coughlin, E. Segev, "Foreign Direct Investment in China: A Spatial Econometric Study", *The World Economy* 23 (1) (2000) 1-23.
- [26] D.P. Woodward, "Locational determinants of Japanese manufacturing start-ups in the United States", *Southern Economic Journal* 2 (1992) 690-708.
- [27] K. Head, J. Ries, "Inter-City Competition for Foreign Investment: Static and Dynamic Effects of China's Incentive Areas", *Journal of Urban Economics* 40 (1) (1996) 38-60.
- [28] K.E. Meyer, H.V. Nguyen, "Foreign Investment Strategies and Sub-national Institutions in Emerging Markets: Evidence from Vietnam", *Journal of Management Studies* 42 (1) (2005) 63-93.
- [29] E.G. Lim, "Determinants of, and the Relation Between, Foreign Direct Investment and Growth: A Summary of the Recent Literature: International Monetary Fund", Available at: <https://econpapers.repec.org/RePEc:imf:imfwpa:01/175/,2001>.
- [30] S. Li, S.H. Park, "Determinants of Locations of Foreign Direct Investment in China", *Management and Organization Review* 2 (1) (2006) 95-119.
- [31] W.H. Davidson, "The location of foreign direct investment activity: Country characteristics and experience effects", *Journal of International Business Studies* 11 (2) (1980) 9-22.
- [32] B. Petersen, T. Pedersen, "Coping with liability of foreignness: Different learning engagements of entrant firms", *Journal of International Management* 8 (3) (2002) 339-350.
- [33] B. Ambos, "Foreign direct investment in industrial research and development: A study of German MNCs", *Research Policy* 34 (4) (2005) 395-410.
- [34] J.I. Galan, J. Gonzalez-Benito, J.A. Zuñiga-Vincente, "Factors determining the location decisions of Spanish MNEs: An analysis based on the investment development path", *Journal of International Business Studies* 38 (6) (2007) 975-997.
- [35] L. Nachum, S. Zaheer, S. Gross, "Does it matter where countries are? Proximity to knowledge, markets and resources, and MNE location choices", *Management Science* 54 (7) (2008) 1252-1265.
- [36] J.R. Markusen, A.J. Venables, D.E. Konan, K.H. Zhang, *A unified treatment of horizontal direct investment, vertical direct investment, and the pattern of trade in goods and services*, National Bureau of Economic Research, 1996.
- [37] E. McCann, "Urban Policy Mobilities and Global Circuits of Knowledge: Toward a Research Agenda", *Annals of the Association of American Geographers* 101 (1) (2011) 107-130.
- [38] J.L. Arregle, P.W. Beamish, L. Hébert, "The Regional Dimension of MNEs' Foreign Subsidiary Localization", *Journal of International Business Studies* 40 (1) (2009) 86-107.
- [39] J.L. Arregle, T.L. Miller, M.A. Hitt, P.W. Beamish, "Do regions matter? An integrated institutional and semiglobalization perspective on the internationalization of MNEs", *Strategic Management Journal* 34 (8) (2013) 910-934.